TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/KDTM-ST
Ngày: 11/3/2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;

2. Ông Huỳnh Sơn Tây.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 149/2023/TLST-KDTM ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-KDTM ngày 19/02/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Thương mại H; địa chỉ: Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 26, đường X, khu phố L, phường X, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thu Ph, sinh năm 1987; địa chỉ: C2-229 Chung cư E, phường V, thành phố A, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 16/11/2023). Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Gỗ P; địa chỉ: Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 14, khu phố Kh, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Y; chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại H trình bày:

Vào tháng 4 và tháng 5 năm 2022, Công ty TNHH Thương mại H (sau đây viết tắt là Công ty H) và Công ty TNHH Gỗ P (sau đây viết tắt là Công ty P) có thỏa thuận mua bán hàng hóa với nhau, theo đó Công ty H bán cho Công ty P các sản phẩm là máy chà nhám, máy khoan gỗ, ty ben thủy lực. Hai bên không ký hợp đồng mua bán bằng văn bản nhưng khi Công ty H giao hàng có Phiếu xuất hàng và đại diện Công ty P ký nhận hàng. Tổng giá trị hàng hóa là 450.900.000 đồng. Công ty H đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) gửi cho Công ty P với nội dung sau:

- Hóa đơn VAT số 13 ngày 27/4/2022: Công ty P phải thanh toán số tiền 216.000.000 đồng (trong đó tiền hàng là 200.000.000 đồng và tiền thuế VAT là 16.000.000 đồng).

- Hóa đơn VAT số 50 ngày 27/5/2022: Công ty P phải thanh toán số tiền 234.900.000 đồng (trong đó tiền hàng là 217.500.000 đồng và tiền thuế VAT là 17.400.000 đồng).

Công ty P đã thanh toán cho Công ty H được 03 lần, cụ thể: lần 1 ngày 15/9/2022 thanh toán qua hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng số tiền 99.967.000 đồng; lần 2 ngày 06/01/2023 thanh toán trực tiếp 100.000.000 đồng; lần 3 ngày 25/4/2023 thanh toán qua hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng số tiền 49.985.000 đồng. Tổng số tiền đã thanh toán là 249.952.000 đồng. Số tiền còn lại Công ty P chưa thanh toán là 200.948.000 đồng.

Công ty H đã yêu cầu Công ty P tiếp tục thanh toán nhưng Công ty P không hợp tác thanh toán công nợ cho Công ty H. Việc này là vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận của các bên, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của H. Vì vậy, Công ty H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố T buộc Công ty P phải thanh toán cho Công ty H tổng số tiền hàng còn nợ là 200.033.000 đồng và lãi suất tạm tính là 40.006.600 đồng. Tổng cộng là 240.039.600 đồng.

Tại đơn xác định yêu cầu khởi kiện và xin xét xử vắng mặt đề ngày 04/3/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu Ph xác định do lỗi trong việc đánh máy nên nguyên đơn đã xác định sai số tiền hàng và số tiền Công ty P đã thanh toán trong đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2023. Tổng số tiền hàng thực tế là 450.900.000 đồng và số tiền bị đơn đã thanh toán là 249.952.000 đồng nhưng đơn khởi kiện của nguyên đơn có sai sót nên xác định tổng số tiền hàng là 450.000.000 đồng và số tiền bị đơn đã thanh toán là 249.967.000 đồng. Vì vậy, nguyên đơn chỉ yêu cầu Công ty P thanh toán số tiền hàng còn nợ là 450.000.000 đồng - 249.967.000 đồng = 200.033.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 27/5/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 11/3/2024 (làm tròn là 21 tháng) với mức lãi suất 1%/tháng là 200.033.000 đồng x 1%/tháng x 21 tháng = 42.006.930 đồng. Tổng số tiền Công ty H yêu cầu Công ty P thanh toán là 242.039.930 đồng. Do bận công việc, bà Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn Công ty P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Xác định trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán đã tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự thủ tục phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 11 năm 2023, Công ty TNHH Thương mại H (sau đây viết tắt là Công ty H) yêu cầu Công ty TNHH Gỗ P (sau đây viết tắt là Công ty P) phải trả tiền mua hàng còn nợ và tiền lãi phát sinh trong thời gian chậm trả nên đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo quy định tại Điều 27 của Luật Thương mại; Điều 385 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn Công ty P có trụ sở tại thửa đất số 208, tờ bản đồ số 14, khu phố Kh, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty H là bà Nguyễn Thị Thu Ph có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty P đã được tống đạt giấy triệu tập lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 227 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[II] Về nội dung:

[1] Nguyên đơn Công ty H cho rằng có thoả thuận bán các sản phẩm là máy chà nhám, máy khoan gỗ, ty ben thủy lực cho Công ty P với tổng giá trị tiền hàng là 450.900.000 đồng (đã bao gồm 10% thuế VAT). Việc mua bán hai bên không ký kết hợp đồng bằng văn bản mà chỉ thoả thuận bằng lời nói, khi giao hàng cho bên mua, bên bán lập phiếu xuất hàng và xuất hoá đơn giá trị gia tăng. Nguyên đơn đã giao 04 đợt hàng cho bị đơn vào các ngày 25/4/2021, 18/5/2022, 19/5/2022 và 23/5/2022; đồng thời xuất 02 Hóa đơn giá trị gia tăng số 13 ngày 27/4/2022 và số 50 ngày 27/5/2022. Quá trình thanh toán, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 04 lần với tổng số tiền là 249.952.000 đồng, đến nay bị đơn vẫn không thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ còn lại nên nguyên đơn

khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh tương ứng với số tiền chậm thanh toán của khoản nợ còn lại dựa trên lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 27/5/2022 cho đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm 11/3/2024 (làm tròn là 21 tháng).

[2] Xét thấy, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn cung cấp để xem xét. Việc mua bán hàng hoá không thoả thuận bằng hợp đồng nhưng căn cứ vào phiếu xuất hàng và hoá đơn giá trị gia tăng đối với từng đợt nhận hàng có cơ sở xác định số tiền bán hàng nguyên đơn trình bày phù hợp với các loại hàng hóa, giá cả, chủng loại hàng hoá mà nguyên đơn đã giao cho bị đơn. Căn cứ nội dung Công văn số 1386/CCTKV-KTr1 ngày 23/02/2024 của Chi cục Thuế khu vực T xác định bị đơn Công ty P có kê khai khấu trừ thuế đối với hóa đơn giá trị gia tăng số 13 ngày 27/4/2022 với tổng số tiền thanh toán là 216.000.000 đồng và hóa đơn số 50 ngày 27/5/2022 với tổng số tiền thanh toán là 234.900.000 đồng. Tổng số tiền của hai hóa đơn là 450.900.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định, việc thoả thuận mua bán hàng hoá giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật. Xét thấy, giao dịch mua bán hàng hóa được giao kết trên cơ sở tự nguyện, có tính ràng buộc trách nhiệm pháp lý đối với các bên tham gia giao dịch. Bên bán đã thực hiện nghĩa vụ giao hàng hóa, bên mua đã nhận được hàng nhưng không thanh toán đầy đủ tiền mua hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bên bán hàng. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền mua hàng là phù hợp với quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại. Nguyên đơn xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 200.948.000 đồng nhưng chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 200.033.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền này. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu về tiền chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 27/5/2022 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử 11/3/2024. Xét, yêu cầu về mức lãi suất của nguyên đơn thấp hơn mức lãi suất trung bình của 03 Ngân hàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm, yêu cầu của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Như vậy, bị đơn Công ty P có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Công ty H các khoản tiền sau:

- Tiền gốc: 200.033.000 đồng;

- Tiền lãi: 200.033.000 đồng x 1%/tháng x 21 tháng = 42.006.930 đồng;

Tổng cộng là: 242.039.930 đồng.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH Gỗ P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 27, 50, 306 của Luật Thương mại; Điều 385 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại H về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" với bị đơn Công ty TNHH Gỗ P.

Buộc Công ty TNHH Gỗ P phải thanh toán tiền mua hàng cho Công ty TNHH Thương mại H bao gồm các khoản tiền sau:

- Tiền gốc: 200.033.000 đồng;

- Tiền lãi: 42.006.930 đồng;

Tổng cộng là: 242.039.930 đồng. (Hai trăm bốn mươi hai triệu không trăm ba mươi chín nghìn chín trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1 Bị đơn Công ty TNHH Gỗ P phải chịu 12.101.997 đồng (Mười hai triệu một trăm lẻ một nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

2.2 Nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.000.990 đồng (Sáu triệu không trăm nghìn chín trăm chín mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001706 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7

và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- CCTHADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tâm